

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2019/HS-ST

Ngày: 09/8/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Huân và Ông Hoàng Xuân Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Quang – Thư ký Tòa án huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2019/HS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Phạm Hồng Ph, sinh ngày 01 tháng 7 năm 1971, tại xã Quảng H, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn Hợp B, xã Quảng H, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: lớp 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Phạm C (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, có vợ Nguyễn Thị T, có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền sự; tiền án: Không; Về nhân thân: Bản án số 45/2005/HSPT ngày 29/8/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng cải tạo không giam giữ, về tội “Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng”; Bản án số 02/2007/HSST ngày 07/02/2007 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, xử phạt 30 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Chống người thi hành công vụ”, đã được đương nhiên xóa án tích.

Bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/3/2019, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1984

Địa chỉ cư trú: thôn Trung Th, xã Tiến H, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

Chị Đặng Thị T, sinh năm 1976

Địa chỉ cư trú: thôn Hợp B, xã Quảng H, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Anh Trần Văn S, sinh năm 1980

Địa chỉ cư trú: thôn Trung Th, xã Tiến H, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, có mặt

- *Người làm chứng:*

Anh Võ Hồng Th, sinh năm 1969

Địa chỉ cư trú: thôn Hợp B, xã Quảng H, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Anh Dương Minh Tr, sinh năm 1980

Địa chỉ cư trú: thôn Hợp B, xã Quảng H, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982

Địa chỉ cư trú: thôn Hợp B, xã Quảng H, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Anh Phạm Ngọc S, Sinh năm 1999

Địa chỉ cư trú: thôn Hợp B, xã Quảng H, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn Nguyên, sinh năm 1993

Địa chỉ cư trú: thôn Thanh Xuân, xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1984

Địa chỉ cư trú: TDP 2, phường Quảng Ph, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 20/02/2019, chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1984, trú tại thôn Trung Th, xã Tiến H, huyện Tuyên Hóa, Quảng Bình cùng bạn là Nguyễn Thị Tr, trú tại phường Quảng Ph, thị xã Ba Đồn, Quảng Bình đến nhà của chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976, trú tại thôn Hợp B, xã Quảng H, huyện Quảng Trạch để xin khát nợ. Khi đến nhà chị Ng gặp chị T và Phạm Hồng Ph là chồng của chị T cũng đang ở nhà. Do trước đó, khi mượn tiền hai bên không làm giấy tờ vay mượn cụ thể, nên vợ chồng anh Ph yêu cầu chị Ng phải viết giấy mượn tiền.

Để đảm bảo uy tín chị Ng đồng ý viết giấy mượn tiền với số tiền 100.000.000 đồng và hẹn trong thời hạn 03 năm chị Ng sẽ trả hết cho chị T. Tuy nhiên sau khi xem lại thấy thời gian trả tiền quá lâu sợ ảnh hưởng tới công việc của gia đình nên Ph yêu cầu chị Ng viết lại giấy mượn tiền, thời hạn trả trong một năm, nhưng chị Ng không đồng ý nên bỏ ra về. Khi chị Ng đi ra gần đến vị trí xe mô tô của mình, thì Ph liền lao theo chặn lại không cho về và quát to “Mi đứng lại, tau đồ mi bước ra khỏi đất ni, quay lại làm giấy tờ xong xuôi đã” lúc đó chị Ng buộc phải quay vào nhà. Khi quay vào nhà, Ph tiếp tục yêu cầu chị Ng viết giấy mượn tiền trả trong thời hạn 01 năm, do chị Ng không viết nên Ph liền cầm dao gọt hoa quả bỏ sẵn trên bàn nơi mọi người đang ngồi chỉ thẳng về phía chị T và chị Ng đang ngồi hét lên “E tau giết mi T à” làm cho cả hai người hoảng sợ nhưng chị Ng vẫn không viết. Quá bức xúc Ph tiếp tục dùng roi mây đập xuống bàn và quát “Tau giết cả lũ chúng mày luôn” với giọng đầy hăm dọa. Lúc đó chị Ng đành miễn cưỡng viết giấy mượn tiền với nội dung, “chị Ng mượn chị T số tiền 100.000.000 đồng và sẽ trả trong thời hạn 01 năm”. Sau khi hai bên ký xong, xem lại thấy không có số CMND, thấy không yên tâm nên Ph yêu cầu chị Ng đưa giấy CMND ra để kiểm tra và ghi vào giấy làm căn cứ. Tuy nhiên chị Ng không đồng ý, nên Ph nói dối với chị Ng là mượn xem để ghi số CMND vào giấy mượn tiền rồi trả lại, nhưng chị Ng vẫn không đồng ý, quan sát thấy có xe mô tô của chị Ng dựng ở khu vực cổng nên Ph hỏi “Xe này của ai”, chị Ng liền nói “Đó là xe em mượn”, Ph nói cho mượn giấy tờ xem để đối chiếu. Trước đó anh Phạm Hồng S, sinh năm 1989 là con trai của Phạm Hồng Ph và chị Nguyễn Thị T đi làm về có ngồi nghe cuộc trò chuyện nên đã nói với chị Nga đưa giấy tờ ra để đối chiếu xem có đúng không. Thuyết phục một lúc chị Ng đành đồng ý đưa giấy tờ ra để xem, khi đó anh S cầm giấy tờ kiểm tra xe thấy đúng nên đưa lại cho bố mình là Ph giữ rồi bỏ đi chơi. Sau khi cầm giấy tờ, Ph tiếp tục yêu cầu chị Ng viết giấy mượn tiền trong đó tự nguyện gửi lại CMND và giấy đăng ký xe, nhưng chị Ng không đồng ý nên Ph bảo vợ mình là chị T viết giấy mượn tiền trong đó ghi rõ việc chị Ng tự nguyện gửi lại giấy tờ để làm tin rồi yêu cầu ký nhưng chị Ng cũng không đồng ý ký. Ngay lúc đó, Ph liền vào nhà lấy 01 khóa dây rồi đi ra khóa bánh trước xe mô tô của chị Ng lại, thấy xe bị khóa chị Ng liền nói “Giấy tờ em đã viết, cho em lại xe để em về” thì Ph nói “Không có tiền thì để xe lại, lúc nào có tiền thì mang ra giải quyết lấy xe về” rồi cầm khóa vào nhà, chị Ng vẫn tiếp tục xin trả lại xe nhưng Ph nhất quyết từ chối và nói “Để xe đó mang tiền ra đã rồi lấy xe về”. Vì nghĩ khóa xe rồi chị Ng sẽ không lấy được xe

nữa nên sau khi cất giấu chìa khóa và giấy tờ trong nhà thì Ph bỏ đi chơi. Không xin lại được xe nên chị Ng quay sang xin chị T trả xe lại cho mình, nhưng chị T do sợ chồng mình và cũng không có chìa khóa đây nên không thể cho Ng lại xe được. Do không xin được xe và cũng không biết làm gì hơn, nên khoảng 23 giờ cùng ngày chị Ng bắt xe về nhà, sau khi chị Ng về thì chị T sợ mất trộm nên đã dắt xe của chị Ng từ cổng vào sân nhà mình để giữ.

Bản kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐ, ngày 28/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quảng Trạch kết luận 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH125I, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 73D1 – 162.78 có trị giá 48.000.000 đồng.

Vật chứng và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quảng Trạch đã thu giữ và trả lại cho chị Nguyễn Thị Nga 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH125I, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 73D1 – 162.78, xe cũ đã qua sử dụng, 01 giấy CMND mang tên Nguyễn Thị Ng, có số 194278263; 01 giấy đăng ký xe mang tên Trần Văn Sinh, có số 008138, có biển kiểm soát 73D1 – 162.78; thu giữ 01 khóa dây, có vỏ nhựa màu vàng nâu, 01 roi mây, 01 con dao và 01 chìa khóa đã qua sử dụng.

Về phần dân sự: bị hại chị Nguyễn Thị Ng đã nhận lại tài sản là xe mô tô 73D1-162.78 cùng các loại giấy tờ có liên quan mà bị cáo đã thu giữ. Tuy nhiên do xe có hư hỏng, nên ngày 29/7/2019 bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho chị Ng số tiền 1.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị Ng cũng đã khẳng định nhận đủ tiền bồi thường và không yêu cầu gì thêm.

Bản Cáo trạng số 20/CT-VKSQT ngày 20 tháng 6 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã truy tố bị cáo Phạm Hồng Ph về tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã phát biểu lời luận tội, chứng minh, phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng, đồng thời có xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi áp dụng và quyết định mức hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hồng Ph từ 12 - 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 – 36 tháng; Về dân sự: không xem xét; Về xử lý vật chứng áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 khóa dây, có vỏ nhựa màu vàng nâu và 01 chìa khóa đã qua sử dụng; 01 roi mây; 01 con dao.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt.

Người bị hại có ý kiến gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan Điều tra Công an huyện Quảng Trạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Như vậy hành vi và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vào khoảng 15 giờ, ngày 20/02/2019, tại nhà của bị cáo, do quá bức xúc việc vay mượn tiền trước đây giữa vợ của bị cáo và chị Nguyễn Thị Ng không có giấy tờ rõ ràng, việc vay mượn bị cáo cũng không hề hay biết, nên khi chị Ng đến nhà, bị cáo mới biết sự việc và đã bắt chị Ng phải viết giấy mượn tiền. Chị Ng đồng ý viết và trong giấy mượn tiền có hứa thời gian trả nợ trong vòng ba năm, nên bị cáo không nhất trí mà yêu cầu chị Ng phải trả trong thời gian một năm, nhưng chị Ng không đồng ý mà bỏ về. Lúc đó bị cáo chặn lại không cho chị Ng về và tiếp tục yêu cầu chị Ng viết giấy mượn tiền hẹn thời gian trả nợ trong thời gian một năm. Do chị Ng không viết, nên bị cáo dùng dao, roi mây để đe dọa, quát mắng chị Ng và chị T là vợ của bị cáo. Sau đó bị cáo đã lấy ổ khóa dây, khóa giữ xe máy và giấy tờ liên quan của chị Ng đồng thời yêu cầu chị Ng ngày mai đưa tiền đến trả thì mới được lấy xe về, buộc chị Ng phải miễn cưỡng giao lại xe và các giấy tờ liên quan. Xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng, kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Giá trị tài sản có trị giá 48.000.000 đồng. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 BLHS. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an. Bị cáo là người đã

có gia đình, có đầy đủ năng lực và khả năng nhận thức về pháp luật, đã từng có hành vi phạm tội bị Tòa án xét xử, nhưng bị cáo vẫn không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm cho bản thân, mà lại coi thường pháp luật, xử lý các tình huống mâu thuẫn trong cuộc sống một cách nóng vội, bốc đồng, thiếu sự kiềm chế bản thân để dẫn đến phạm tội. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Cần áp dụng các quy định của pháp luật để xét xử bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường đầy đủ cho người bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Hơn nữa cũng do xuất phát từ quan hệ vay mượn tiền giữa chị Ng và vợ của bị cáo là chị Nguyễn Thị T không rõ ràng, với một khoản tiền lớn nhưng bản thân bị cáo hoàn toàn không hề hay biết, làm cho bị cáo đã bức xúc, thiếu sự kiềm chế. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Với những tình tiết, nội dung vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng chưa cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương cũng đã đủ nghiêm, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà cố gắng cải tạo, rèn luyện trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Liên quan trong vụ án này có chị Nguyễn Thị T là vợ của bị cáo do mối quan hệ quen biết nên đã cho chị Nguyễn Thị Ng mượn số tiền 100.000.000 đồng nhưng không nói rõ cho chồng mình biết. Do số tiền lớn mà thời gian đã lâu nhưng chị Ng vẫn chưa trả, lại còn xin kéo dài thời gian trả nợ, sợ để lâu chồng biết nên khi chị Ng đến nhà để khát nợ, chị T đã nói với chồng về việc cho chị Ng mượn tiền trước đó. Khi biết chuyện Phạm Hồng Ph rất tức giận đã có những lời lẽ quát nạt, đe dọa chị T và chị Ng, làm cho chị T và chị Ng hoảng sợ nên quá trình diễn ra sự việc chị T không có lời nói hành động gì đe dọa hay ép buộc để giữ tài sản của chị Ng. Sau khi chồng mình là Phạm Hồng Ph dùng khóa dây khóa xe mô tô của chị Ng giữ lại nhà mình cùng các loại giấy tờ liên quan rồi bỏ đi chơi đến khuya. Do sợ bị mất trộm nên chị T đã dắt xe vào trong sân giữ mục đích là để bảo vệ tài sản. Vì vậy hành vi của Nguyễn Thị T không có tính chất đồng phạm tội Cường đoạt tài sản với bị cáo Ph cũng như không cấu thành tội Che giấu tội phạm hoặc tội Không tố giác tội phạm quy định tại Điều 389 và Điều 390 Bộ luật Hình sự, nhưng cũng cần nhắc nhở chị T tình để rút kinh nghiệm.

Đối với Phạm Hồng S là con trai của bị cáo Ph, ban đầu khi sự việc xảy ra S không có mặt tại nhà, cũng không biết rõ về chuyện nợ nần giữa gia đình và chị Ng. Sau khi đi làm về, S nhìn thấy sự việc nhưng cũng không có lời nói hay hành

động gì đe dọa hay ép buộc đối với chị Ng. Sau khi thấy bố mình yêu cầu chị Ng đưa giấy tờ ra để đối chiếu thì S có cầm giấy tờ đối chiếu với phương tiện sau đó đưa lại cho bố rồi đi chơi mà không có hành động gì khác nữa. Do đó hành vi của Phạm Hồng S không có tính chất đồng phạm tội Cường đoạt tài sản với Phạm Hồng Ph cũng như không cấu thành tội Che giấu tội phạm hoặc tội Không tố giác tội phạm quy định tại Điều 389 và Điều 390 Bộ luật Hình sự, nhưng cũng nản, nhắc nhở, rút kinh nghiệm đối với Phạm Hồng S.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và nhận đủ tiền bồi thường, quá trình điều tra cho đến tại phiên tòa sơ thẩm không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Xét thấy các vật chứng đã thu giữ là những công cụ liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo Phạm Hồng Ph phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 170; các điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo **Phạm Hồng Ph** phạm tội “*Cường đoạt tài sản*”.

Phạt bị cáo **Phạm Hồng Ph 15 (mười lăm)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (*ba mươi*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/8/2019).

Giao bị cáo Phạm Hồng Phong về cho UBND xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình cùng phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Không xem xét

3. Về xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 con dao; 01 dây khóa; 01 chìa khóa và 01 roi mây. Các vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, có đặc điểm mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quảng Trạch và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch ngày 28/6/2019.

4. Về án phí: Buộc bị cáo **Phạm Hồng Ph** phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/8/2019)/.

(Đã giải thích chế định của án treo)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- CA huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Hữu Tình